

SỐ 1544

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

Tác giả: Tôn giả Ca Đa Diễn Ni Tử.

Hán dịch: Đời Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng

QUYỂN 1

Chương 1: TẠP UẨN

Phẩm 1: BÀN VỀ PHÁP THẾ ĐỆ NHẤT

*Pháp thế đệ nhất cùng bảy loại,
Đảnh có hai-Noãn và thân kiến,
Mười một kiến thâm nhiếp-đoạn trừ,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Thế nào là pháp Thế đệ nhất?

Đáp: Nếu tâm-tâm sở pháp là đẳng vô gián, nhập chánh tánh ly sinh, thì đó gọi là pháp Thế đệ nhất.

Có thuyết nói: Nếu năm căn là đẳng vô gián, nhập chánh tánh ly sinh, thì đó gọi là pháp Thế đệ nhất. Ở trong nghĩa này, nếu tâm-tâm sở pháp là đẳng vô gián, nhập chánh tánh ly sinh thì gọi là pháp Thế đệ nhất.

Hỏi: Tại sao gọi là pháp Thế đệ nhất?

Đáp: Tâm-tâm sở pháp như thế, đối với pháp thế gian khác, là tốt đẹp nhất, là cao quý nhất, là tuyệt vời nhất, cho nên gọi là pháp Thế đệ nhất.

Lại nữa, tâm-tâm sở pháp như thế, là đẳng vô gián, bỏ tánh phạm

phu được tánh Thánh, bỏ tánh tà, được tánh chánh, có năng lực nhập chánh tánh ly sinh, cho nên gọi là pháp Thế đệ nhất.

Hỏi: Pháp Thế đệ nhất nên nói là hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hay hệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Nên nói là hệ thuộc cõi Sắc.

Vì sao pháp này không nên nói là hệ thuộc cõi Dục? Bởi vì không phải đạo của cõi Dục, để có thể đoạn trừ cái (Những thứ ngăn che), chế ngự triền (Những thứ ràng buộc), khiến cho triền cái cõi Dục không còn hiện khởi, mà chính là đạo của cõi Sắc có thể đoạn trừ cái, chế ngự triền, khiến cho triền cõi Dục không còn hiện khởi.

Nếu dùng đạo cõi Dục, có thể đoạn trừ cái, chế ngự triền, thì trước mắt triền cõi Dục không còn hiện khởi.

Như vậy, pháp Thế đệ nhất nên nói là hệ thuộc cõi Dục, nhưng không phải là đạo nơi cõi Dục có khả năng đoạn trừ cái, chế ngự triền, khiến cho triền cõi Dục không hiện khởi, mà chính là đạo của cõi Sắc có năng lực đoạn trừ cái, chế ngự triền, khiến cho triền cõi Dục không còn hiện khởi, vì vậy pháp Thế đệ nhất không nên nói là hệ thuộc cõi Dục.

Vì sao pháp này không nên nói là hệ thuộc cõi Vô sắc? Bởi vì nhập chánh tánh ly sinh, trước tiên hiện quán khổ của cõi Dục là khổ, sau đó kết hợp hiện quán nỗi khổ của cõi Sắc-Vô sắc là khổ thánh đạo dấy khởi. Trước là biện minh về sự của cõi Dục, sau kết hợp biện minh về sự của cõi Sắc-Vô sắc. Nếu nhập chánh tánh ly sinh, thì trước hết hiện quán khổ của cõi Vô sắc là khổ, sau kết hợp hiện quán khổ của cõi Dục-cõi Sắc là khổ thánh đạo dấy khởi. Trước là biện minh về sự của cõi Vô sắc, sau kết hợp biện minh về sự của cõi Dục-Sắc. Như vậy, pháp Thế đệ nhất cho nên nói là hệ thuộc cõi Vô sắc.

Tuy nhiên, nhập chánh tánh ly sinh, trước là hiện quán khổ của cõi Dục là khổ, sau hợp lại hiện quán khổ của cõi Sắc-Vô sắc là khổ thánh đạo dấy khởi. Trước là biện minh về sự của cõi Dục, sau hợp lại biện minh về sự của cõi Sắc-Vô sắc. Vì vậy pháp Thế đệ nhất không nên nói là hệ thuộc cõi Vô sắc.

Lại nữa, nhập định vô sắc, trừ bỏ tưởng sắc, không loại trừ tưởng sắc mà có thể biết cõi Dục; nếu duyên pháp này, dấy khởi khổ pháp trí nhãn, thì duyên pháp này dấy khởi pháp Thế đệ nhất.

Hỏi: Pháp Thế đệ nhất nên nói là có tâm-có tứ, không có tâm-chỉ có tứ, không có tâm-không có tứ chăng?

Đáp: Nên nói hoặc có tâm-có tứ; hoặc không có tâm-chỉ chỉ có tứ,

hoặc không có tâm-không có tứ.

Thế nào là có tâm-có tứ? Nếu dựa vào Tam-ma-địa có tâm-có tứ, nhập chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy đạt được pháp Thế đệ nhất.

Thế nào là không có tâm-chỉ có tứ? Nếu dựa vào Tam-ma-địa không có tâm-chỉ có tứ, nhập chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy đạt được pháp Thế đệ nhất.

Thế nào là không có tâm-không có tứ? Nếu dựa vào Tam-ma-địa không có tâm-không có tứ, nhập chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy đạt được pháp Thế đệ nhất.

Hỏi: Pháp Thế đệ nhất cho nên nói tương là ứng với lạc căn, tương ứng với hỷ căn, hay tương ứng với xả căn?

Đáp: Cho nên nói hoặc tương ứng với lạc căn, hoặc tương ứng với hỷ căn, hoặc tương ứng với xả căn.

Thế nào là tương ứng với lạc căn? Nếu dựa vào tính lự thứ ba, nhập chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy đạt được pháp Thế đệ nhất.

Thế nào là tương ứng với hỷ căn? Nếu dựa vào tính lự sơ, nhị, nhập chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy đạt được pháp Thế đệ nhất.

Thế nào là tương ứng với xả căn? Nếu dựa vào tính lự thứ tư, nhập chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy đạt được pháp Thế đệ nhất.

Hỏi: Pháp Thế đệ nhất cho nên nói là một tâm hay nhiều tâm?

Đáp: Cho nên nói là một tâm.

Vì sao pháp này không phải là nhiều tâm? Từ tâm-tâm sở pháp này, liên tục không khởi tâm thế gian nào khác, chỉ có khởi tâm xuất thế.

Nếu lúc ấy khởi tâm thế gian khác thì đó là thua kém, là bằng nhau, hay là hơn hẳn? Nếu tâm đang thua kém, thì lúc ấy không thể nào nhập chánh tánh ly sinh. Vì sao? Vì không phải dùng đạo lui sụt mà có thể nhập chánh tánh ly sinh. Nếu tâm đang bằng nhau, thì cũng không thể nhập chánh tánh ly sinh. Vì sao? Vì trước kia đã dùng đạo loại này, cho nên không thể nào nhập chánh tánh ly sinh. Nếu tâm đang hơn hẳn, thì trước tiên không phải là pháp Thế đệ nhất, sau mới là pháp Thế đệ nhất.

Hỏi: Pháp Thế đệ nhất cho nên nói lui sụt hay không lui sụt?

Đáp: Nên nói là không lui sụt.

Vì sao pháp này nhất định không lui sụt? Bởi vì pháp Thế đệ nhất là tùy thuận đế, hướng tới đế, sắp nhập đế, ở giữa nơi này nơi kia không cho phép có thể dấy khởi tâm không tương tự, khiến cho không thể nào nhập hiện quán Thánh đế. Ví như tráng sĩ lội qua sông, vượt qua hang,

vượt qua núi, băng qua vách núi, trung gian không có thể quay trở lại, thân tráng sĩ kia trở về đến chỗ cũ, hoặc đi tới chỗ khác, trước đã phát khởi mạnh mẽ, thân đi chưa đến chỗ hướng tới, thì nhất định không dừng lại. Pháp Thế đệ nhất cũng lại như thế, tùy thuận đế, hướng tới đế, sắp nhập đế, ở giữa nơi này nơi kia không cho phép có thể dấy khởi tâm không tương tự, khiến cho không thể nào nhập hiện quán Thánh đế. Như châu Thiệm-bộ có năm dòng sông lớn:

1. Căng-già. (Sông Hằng)
2. Diêm-mẫu-na.
3. Tát-lạc-du.
4. A-thị-la-phiệt-đế.
5. Mạc-hê.

Năm con sông như thế, xuôi dòng về biển cả, hướng đến biển cả, sắp hòa vào biển cả, trong giai đoạn ấy không có năng lực nào xoay chuyển, dòng chảy kia trở về đến chỗ cũ, hoặc hướng đến chỗ khác, dòng chảy ấy quyết định luôn luôn chảy hòa vào biển cả.

Pháp Thế đệ nhất cũng lại như thế, tùy thuận đế, hướng tới đế, sắp nhập đế, ở giữa nơi này nơi kia không cho phép có thể dấy khởi tâm không tương tự, khiến cho không thể nào nhập hiện quán Thánh đế.

Lại nữa, pháp Thế đệ nhất cùng với khổ pháp trí nhãn, làm thành Đẳng vô gián duyên, không có một pháp nào nhanh chóng quay lại, vượt qua tâm, để có thể vào lúc bấy giờ có năng lực làm chướng ngại, khiến cho không thể nào nhập hiện quán Thánh đế.

Vì vậy pháp này nhất định không lui sụt.

Hỏi: Thế nào là Đảnh?

Đáp: Đối với Phật-Pháp-Tăng, sinh niềm tin nhỏ bé, như Đức Thế Tôn đã vì Ma Ba La Diễn Noa Ma Nạp Bà mà thuyết kệ:

*Nếu như đối với Phật-Pháp-Tăng,
Sinh khởi niềm tin dù nhỏ bé,
Cần phải biết rằng Nho đồng ấy,
Gọi là đã đạt được pháp Đảnh.*

Hỏi: Thế nào là Đảnh đọa?

Đáp: Như có một loại thân cận bậc thiện sĩ (Thiện tri thức), lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, tin pháp Bồ-đề của Phật, là Tăng khéo giảng nói, tu diệu hạnh, sắc vô thường, thọ-tưởng-hành-thức vô thường, khéo thiết lập khổ đế, khéo thiết lập tập-diệt-đạo đế. Người ấy, ở vào lúc khác, không thân cận bậc thiện sĩ, không lắng nghe chánh pháp, tác ý không như lý, đối với mình có được niềm tin thế tục, mà lui sụt, hủy

hoại, chuyển đổi mất đi, cho nên gọi là Đánh đọa. Như Phật, liền vì Ba La Diễn Noa Ma Nạp Bà mà thuyết kệ:

*Nếu người đối với pháp như vậy,
Mà lui sụt mất đi ba pháp,
Ta nói rằng những loại như thế,
Nên biết tên gọi là Đánh đọa.*

Hỏi: Thế nào là Noãn?

Đáp: Nếu ở trong Tỳ-nại-da chánh pháp, có một chút tín thọ, như Đức Thế Tôn đã vì hai Bí-sô Mã Sư-Tĩnh Tú mà nói: Hai người ngu này xa rời chánh pháp và Tỳ-nại-da của Ta. Ví như đại địa cách xa hư không, hai người ngu này ở trong Tỳ-nại-da chánh pháp của Ta, không có phần ít pháp Noãn nào.

Hỏi: Hai mươi câu về Tát-ca-da-kiến này, có bao nhiêu là ngã kiến, bao nhiêu là ngã sở kiến?

Đáp: Có năm ngã kiến: Đẳng tùy quán sắc là ngã, thọ-tưởng-hành-thức là ngã.

Mười lăm ngã sở kiến: Đẳng tùy quán ngã có sắc, sắc là ngã sở, ngã ở trong sắc. Ngã có thọ-tưởng-hành-thức; thọ-tưởng-hành-thức là ngã sở, ngã ở trong thọ, tưởng, hành thức.

Hỏi: Nếu như không phải thường mà thấy là thường thì đối với năm kiến, thuộc về kiến nào? Do kiến nào đoạn?

Đáp: Biên chấp kiến thuộc về thường kiến, do kiến khổ mà đoạn.

Hỏi: Nếu như thường mà thấy không phải là thường thì đối với năm kiến thuộc về kiến nào? Do kiến nào đoạn?

Đáp: Thuộc về tà kiến, do kiến diệt đoạn trừ.

Hỏi: Nếu như thấy khổ-vui thì đối với năm kiến thuộc về kiến nào? Do kiến nào đoạn?

Đáp: Lấy pháp kém cho là hơn, thuộc về kiến thủ, do kiến khổ đoạn trừ.

Hỏi: Nếu như thấy vui-khổ thì đối với năm kiến, thuộc về kiến nào, do kiến nào đoạn?

Đáp: Thuộc về tà kiến, do kiến diệt đoạn trừ.

Hỏi: Nếu như bất tịnh mà thấy là tịnh thì đối với năm kiến, thuộc về kiến nào? Do kiến nào đoạn?

Đáp: Lấy pháp kém cho là hơn, thuộc về kiến thủ, do kiến khổ đoạn trừ.

Hỏi: Nếu như tịnh mà thấy là bất tịnh thì đối với năm kiến, thuộc về kiến nào, do kiến nào đoạn?

Đáp: Thuộc về tà kiến. Kiến này có hai loại: Nếu cho diệt là bất tịnh thì do kiến diệt mà đoạn, nếu cho đạo là bất tịnh, thì do kiến đạo mà đoạn.

Hỏi: Nếu như không có ngã mà thấy có ngã thì đối với năm kiến, thuộc về kiến nào? Do kiến nào đoạn?

Đáp: Thuộc về hữu thân kiến, do kiến khổ đoạn trừ.

Hỏi: Nếu như không phải nhân mà thấy là nhân thì đối với năm kiến, thuộc về kiến nào? Do kiến nào đoạn?

Đáp: Không phải nhân mà nói là nhân, thuộc về giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn trừ.

Hỏi: Nếu như là nhân mà thấy không phải nhân thì đối với năm kiến thuộc về kiến nào? Do kiến nào đoạn?

Đáp: Thuộc về tà kiến, do kiến tập đoạn trừ.

Hỏi: Nếu như có mà thấy là không có thì đối với năm kiến, thuộc về kiến nào? Do kiến nào đoạn?

Đáp: Thuộc về tà kiến. Kiến này có bốn loại:

1. Nếu nói là không có khổ, thì do kiến khổ đoạn trừ.
2. Nếu nói là không có tập, thì do kiến tập đoạn trừ.
3. Nếu nói là không có diệt, thì do kiến diệt đoạn trừ.
4. Nếu nói là không có đạo, thì do kiến đạo đoạn trừ.

Hỏi: Nếu như không có mà thấy có thì đối với năm kiến thuộc về kiến nào? Do kiến nào đoạn?

Đáp: Đây không phải là kiến mà chính là tà trí.

Phẩm 2: BÀN VỀ TRÍ

*Một trí nhận biết và nhân duyên,
Hai tâm nghĩ nhớ và thờ cúng,
Ba căn sử dụng thuộc quá khứ,
Nghĩ cùng với Danh-Cú-Văn thân.
Phật quả trách đệ tử-sáu nhân,
Tâm tùy miên cho đến đoạn trừ,
Dựa vào cảnh đoạn trừ các thức,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Có thể có một trí mà biết tất cả pháp chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu trí này sinh ra tất cả pháp không có ngã, thì trí này không biết điều gì?

Đáp: Không biết tự tánh, và trí này tương ứng với các pháp cùng có.

Hỏi: Có thể có một thức mà nhận biết tất cả pháp chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu thức này sinh ra tất cả pháp không có ngã, thì thức này không nhận biết điều gì?

Đáp: Không nhận biết tự tánh, và thức này tương ứng với các pháp cùng có.

Hỏi: Có thể có hai tâm lần lượt là nhân cho nhau chăng?

Đáp: Không có. Vì sao? Vì không có một Bồ-đặc-già-la nào, không phải trước - không phải sau mà hai tâm cùng sinh, cũng không phải tâm sau là nhân cho tâm trước.

Hỏi: Có thể có hai tâm lần lượt làm duyên cho nhau chăng?

Đáp: Có. Như có tâm khởi lên mà không có tâm vị lai, ngay nơi tư duy này khởi lên tâm thứ hai. Như có tâm khởi lên mà có tâm vị lai, ngay nơi tư duy này khởi lên tâm thứ hai. Như có tâm khởi lên mà, không có tâm đạo vị lai, ngay nơi tư duy này khởi lên tâm lên thứ hai. Như có tâm khởi lên mà có tâm đạo vị lai, ngay nơi tư duy tâm này khởi tâm thứ hai. Như có hai người biết tâm người khác, thì hai tâm ấy lần lượt duyên nhau.

Hỏi: Vì sao không có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước-không phải sau mà hai tâm cùng sinh?

Đáp: Vì không có đẳng vô gián duyên thứ hai, vì mỗi một tâm của hữu tình chuyển biến nối tiếp nhau, cho nên Bồ-đặc-già-la đã không

thể có được.

Hỏi: Vả lại theo lý thì không có tâm trước hướng về tâm sau, vì sao có thể nhớ lại những việc đã làm trước kia?

Đáp: Hữu tình đối với pháp, do sức mạnh của tập quán, được trí đồng phần như thế, tùy thuộc vào sự việc đã từng trải qua, cho nên có khả năng biết như thế. Như có hai người chế tạo ra chữ in, có kỹ năng hiểu rõ kiểu chữ in mà mình và người khác đã chế tạo ra, mặc dù hai người kia không qua lại với nhau để hỏi: Ông đã chế tạo kiểu chữ này ra sao?. Cũng không trả lời nhau: Tôi đã chế tạo chữ này như thế. Nhưng hai người kia do sức mạnh của tập quán, cho nên được trí đồng phần như thế, có kỹ năng hiểu rõ mẫu chữ in mà mình và người khác đã chế tạo. Hữu tình cũng như vậy, do sức mạnh của tập quán, đạt được trí đồng phần như thế, tùy thuộc vào sự việc đã từng trải qua nên có khả năng nhận biết như vậy.

Lại, như có hai người biết tâm người khác, biết tâm của nhau, mặc dù hai người đó không qua lại với nhau, để hỏi xem: Làm sao ông biết được tâm của tôi?. Cũng không trả lời nhau: Tôi đã biết như thế về tâm ông. Nhưng hai người kia do sức mạnh của tập quán, cho nên được trí đồng phần như thế, biết tâm của nhau. Hữu tình cũng như vậy, do sức mạnh của tập quán, cho nên được trí đồng phần như thế, tùy thuộc vào sự việc đã từng trải qua, có khả năng nhận biết như vậy.

Lại nữa, tất cả tâm-tâm sở pháp, đối với pháp đã duyên, nhất định an trụ vào pháp đã duyên, lại dùng ý tiếp làm sức mạnh của nhân, cố gắng nghĩ nhớ, cho thì không quên.

Hỏi: Vì sao hữu tình quên mà lại nhớ?

Đáp: Đồng phần của hữu tình lúc chuyển biến nối tiếp nhau, đối với pháp có khả năng dấy khởi trí và kiến hệ thuộc nhau, lại dùng ý tiếp nhận làm sức mạnh của nhân, cố gắng nghĩ nhớ thường không quên.

Hỏi: Vì sao hữu tình nhớ mà lại quên?

Đáp: Dị phần của hữu tình, lúc chuyển biến nối tiếp nhau, đối với pháp không dấy khởi trí và kiến hệ thuộc nhau, lại dùng ý tiếp nhận làm sức mạnh của nhân, sự nghĩ nhớ kém thì quên mất.

Hỏi: Vì sao cúng tế thì ngựa quỷ đến, không phải là loài khác?

Đáp: Loài ngựa quỷ kia, theo pháp như vậy được nơi chốn quan hệ như thế, sinh ra phần của mình. Như vậy hề có thờ cúng thì đến chứ không phải loài khác. Như các loài chim thiên nga, hồng nhạn, khổng tước, anh vũ, xá lợi, mạng mạng v.v..., dù như ý tự tại tung cánh bay vào hư không, nhưng thần lực, oai đức không lớn hơn con người. Tuy nhiên

loài súc sinh kia, theo pháp như vậy được nơi chốn quan hệ như thế, sinh ra phần của mình, có công năng vỗ cánh bay lượn giữa hư không. Loài quỷ cũng như vậy, do sức mạnh của pháp như vậy, nơi nào có thờ, cúng thì hiện đến, loài khác không như thế.

Lại như một loại Na-lạc-ca, có khả năng nhớ lại đời trước, cũng biết tâm người khác. Một loại bàng sinh, một loại ngựa quý, có khả năng nhớ lại đời trước, cũng biết được tâm người khác, và dấy lên khói lửa, gây mây, nổi mưa, làm ra lạnh nóng v.v... Mặc dù chúng có khả năng gây ra sự việc như thế, nhưng mà thân lực oai đức thì không lớn hơn con người. Tuy nhiên, các loại ấy theo pháp như vậy tự nhiên được nơi chốn quan hệ như thế, sinh ra phần của mình, có khả năng gây ra sự việc ấy. Loài quỷ cũng thế, do sức mạnh của pháp như vậy hễ có thờ cúng thì hiện đến, loài khác thì không như vậy.

Lại nữa, có người suốt trong cuộc đời dấy lên mong muốn như vậy, ái lạc như vậy: Ta sẽ cưới vợ, cưới vợ cho con, cưới vợ cho cháu khiến sinh con, cháu, nối dòng kế tục không dứt. Ta mạng chung rồi, nếu sinh vào loài quỷ, chúng sẽ nghĩ nhớ đến ta, nên sẽ thờ cúng ta. Do người kia luôn có dục lạc này suốt trong cuộc đời vì thế hễ có cúng tế thì hiện đến chứ không phải loài khác.

Hỏi: Nên nói là một mắt trông thấy sắc hay là hai mắt trông thấy sắc?

Đáp: Nên nói là hai mắt trông thấy sắc. Bởi vì sao? Vì nếu nhắm một mắt, khởi lên thức bất tịnh, thì khi mở hai mắt khởi lên thức tịnh. Giả sử nhắm một mắt, khởi lên thức như thế, khi mở cả hai mắt, cũng khởi lên thức này, thì không nên nói là hai mắt trông thấy sắc. Tuy nhiên nhắm một mắt, khởi lên thức bất tịnh, khi mở hai mắt, liền khởi lên thức tịnh vì vậy, phải nói là hai mắt trông thấy sắc. Như nhắm mắt, che phủ-gây tổn hại-phá hoại cũng thế.

Như mắt trông thấy sắc; tai nghe tiếng, mũi ngửi hương cũng như vậy.

Hỏi: Các quá khứ thì tất cả quá khứ không hiện ra chăng?

Đáp: Cho nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có quá khứ mà không phải là không hiện. Nghĩa là như Tôn giả Ô-đà-di nói:

*Tất cả kiết sử của quá khứ,
Đến từ rừng lại rời xa rừng,
Vui thoát ra ngoài các dục lạc,
Như vàng ròng hiện trên đỉnh núi.*

2. Có không hiện mà không phải là quá khứ. Nghĩa là như có một người hoặc dùng thần thông, hoặc dùng chú thuật, hoặc dùng vật thuốc, hoặc từ nơi sinh như thế mà được trí, có chỗ ẩn mất khiến không hiện rõ ra.

3. Có quá khứ cũng không hiện. Nghĩa là tất cả các hành đã khởi thì cùng khởi, đã sinh, cùng sinh, đã chuyển và đang chuyển, đã tập-đã hiện, đã quá khứ-đã tận diệt-đã lìa xa biến đổi, là quá khứ-phần của quá khứ, thuộc về đời quá khứ.

4. Có mà không phải quá khứ-cũng không phải là không hiện. Nghĩa là trừ ra các tướng trước đây.

Hỏi: Các quá khứ thì tất cả quá khứ là tận cùng chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có quá khứ mà không phải tận cùng. Nghĩa là như Tôn giả Ô-đà-di nói: Tất cả kiết sử của quá khứ, cho đến nói rộng ra.

2. Có tận cùng mà không phải là quá khứ. Nghĩa là như Đức Phật nói: Đây là đệ tử bậc Thánh đã hết địa ngục, đã hết bàng sinh, đã hết ngã quý, đã hết mọi hầm hố nguy hiểm của đường ác.

3. Có quá khứ mà cũng tận cùng. Nghĩa là tất cả các hành đã khởi thì cùng khởi, cho đến nói rộng ra.

4. Có mà không phải quá khứ, cũng không phải tận cùng. Nghĩa là trừ ra các tướng trước đây.

Lại nữa, nếu dựa vào kiết đoạn mà nói thì:

1. Có kiết quá khứ mà không phải tận cùng. Nghĩa là kiết quá khứ chưa đoạn- chưa biết khắp, chưa diệt-chưa biến đổi.

2. Có kiết tận cùng mà không phải là quá khứ. Nghĩa là kiết vị lai đã đoạn-đã biết khắp, đã diệt-đã biến đổi.

3. Có kiết quá khứ mà cũng tận cùng. Nghĩa là kiết quá khứ đã đoạn-đã biết khắp, đã diệt-biến đổi.

4. Có kiết không phải quá khứ mà cũng không phải tận cùng. Nghĩa là kiết vị lai, chưa đoạn-chưa biết khắp, chưa diệt-chưa biến đổi, và kiết hiện tại.

Hỏi: Các quá khứ thì tất cả quá khứ là diệt chăng?

Đáp: Cho nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có quá khứ mà không phải là diệt. Nghĩa là như Tôn giả Ô-đà-di nói: Tất cả kiết của quá khứ, cho đến nói rộng ra.

2. Có diệt mà không phải là quá khứ. Nghĩa là dựa vào con đường nhỏ, mái nhà nhỏ, đồ đựng nhỏ, mắt nhỏ của thế tục, nói là diệt con đường, cho đến diệt mắt.

3. Có quá khứ mà cũng là diệt. Nghĩa là tất cả các hành đã khởi thì cùng khởi, cho đến nói rộng ra.

4. Có mà không phải là quá khứ cũng không phải là diệt. Nghĩa là trừ ra các tướng trước đây.

Lại nữa, nếu dựa vào kiết đoạn mà nói thì:

1. Có kiết quá khứ mà không phải là diệt. Nghĩa là kiết quá khứ, chưa đoạn-chưa biết khắp, chưa diệt-chưa biến đổi.

2. Có kiết diệt, không phải là quá khứ. Nghĩa là kiết vị lai, đã đoạn-đã biết khắp, đã diệt-đã biến đổi.

3. Có kiết quá khứ mà cũng là diệt. Nghĩa là kiết quá khứ, đã đoạn-đã biết khắp, đã diệt-đã biến đổi.

4. Có kiết không phải là quá khứ mà cũng không phải là diệt. Nghĩa là kiết vị lai, chưa đoạn-chưa biết khắp, chưa diệt-chưa biến đổi, và kiết hiện tại.

Hỏi: Nếu đối với khổ, mà sinh nghi: Đây đúng là khổ chăng? Đây không phải là khổ chăng? Cho nên nói là một tâm hay là nhiều tâm?

Đáp: Cho nên nói là nhiều tâm. Nói rằng đây đúng là khổ chăng, là một tâm. Đây không phải là khổ chăng, là tâm thứ hai. Đối với Tập-Diệt-Đạo, sinh nghi cũng như thế.

Hỏi: Có thể có một tâm, có nghi cũng không có nghi chăng?

Đáp: Không có.

Vì sao thế? Vì đối với Khổ đế, nếu nói đây đúng là khổ chăng? Thì tâm này có nghi. Nếu nói đây là khổ, thì tâm này không có nghi. Nếu nói đây không phải là khổ chăng? Thì tâm này có nghi. Nếu nói đây không phải là khổ, thì tâm này không có nghi. Đối với Tập-Diệt-Đạo cho nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là nhiều Danh thân?

Đáp: Nghĩa là nhiều danh hiệu, dị ngữ, tăng ngữ, tướng cùng tướng, dựa vào mà thiết lập. Đó gọi là nhiều Danh thân.

Hỏi: Thế nào là nhiều Cú thân?

Đáp: Các câu có thể đầy đủ hay chưa đầy đủ mà kết hợp với nhau nghĩa ở trong đó. Đó gọi là nhiều Cú thân. Như Đức Thế Tôn dạy:

*Đừng làm mọi điều ác,
Hãy làm những điều thiện,
Tự thanh tịnh tâm ý,
Là lời chư Phật dạy.*

Với bốn câu như thế, đều có thể đầy đủ hay chưa đầy đủ mà nghĩa kết hợp với nhau ở trong đó. Đó gọi là nhiều Cú thân.

Hỏi: Thế nào là nhiều Văn thân?

Đáp: Là các nhóm chữ. Đó gọi là nhiều Văn thân. Như Đức Thế Tôn nói:

*Muốn làm thành bản tụng,
Văn chính là nhiều chữ,
Tụng dựa vào danh từ,
Và người làm ra tụng.*

Như Phật Thế Tôn quở trách các đệ tử, gọi là người ngu si. Điều này có nghĩa gì?

Đáp: Đây là lời quở trách, nghĩa là Phật Thế Tôn quở trách đệ tử, gọi là người ngu si. Như cha mẹ dạy dỗ và thầy quý phạm hiện nay, nếu có con cái hay đệ tử ở gần bên cạnh gây ra các lỗi lầm, thì quở trách rằng: Ông là kẻ ngu si, không sáng suốt, không tốt. Đức Thế Tôn cũng vậy, quở trách các đệ tử, gọi là người ngu si.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn quở trách các đệ tử mà gọi là người ngu si?

Đáp: Bởi vì các đệ tử ấy đối với lời răn dạy của Đức Thế Tôn đã truyền trao, không theo đúng nghĩa thực hành, không tùy thuận, không nối tiếp. Hơn nữa, họ đối với Thánh giáo đã làm những việc ngu si, trống rỗng, mà không có kết quả, không có ý vị vượt ra vươn lên, không có thắng lợi, trái lời Phật dạy. Đối với các học xứ, không có năng lực tiếp nhận để học, cho nên Đức Phật quở trách họ là người ngu si.

Có sáu nhân, nghĩa là nhân tương ứng cho đến nhân năng tác.

Hỏi: Thế nào là nhân tương ứng?

Đáp: Thọ và pháp tương ứng với thọ, là nhân tương ứng. Pháp tương ứng với thọ và thọ, là nhân tương ứng. Tưởng-tư-xúc-tác ý-dục, thắng giải-niệm-tam-ma-địa-tuệ, cùng pháp tương ứng với tuệ, là nhân tương ứng. Pháp tương ứng của tuệ cùng tuệ là nhân tương ứng. Đó gọi là nhân tương ứng.

Hỏi: Thế nào là nhân câu hữu?

Đáp: Tâm cùng với tâm sở pháp, là nhân câu hữu. Tâm sở pháp cùng với tâm, là nhân câu hữu. Tâm cùng với tùy tâm mà chuyển thân nghiệp-ngữ nghiệp là nhân câu hữu. Tâm cùng với tùy tâm mà chuyển bất tương ứng hành, là nhân câu hữu. Tùy tâm mà chuyển bất tương ứng hành cùng với tâm, là nhân câu hữu.

Lại nữa, bốn đại chủng câu sinh lần lượt làm nhân câu hữu. Đó gọi là nhân câu hữu.

Hỏi: Thế nào là nhân đồng loại?

Đáp: Căn thiện đời trước, với căn thiện của cõi mình ở đời sau và pháp tương ứng, là nhân đồng loại. Căn thiện quá khứ, với căn thiện của cõi mình ở hiện tại-vị lai và pháp tương ứng, là nhân đồng loại.

Căn thiện hiện tại với căn thiện của cõi mình ở vị lai và pháp tương ứng là nhân đồng loại. Như căn thiện; căn bất thiện và vô ký cũng vậy.

Sai biệt là trong bất thiện trừ ra cõi của mình. Đó gọi là nhân đồng loại.

Hỏi: Thế nào là nhân biến hành?

Đáp: Tùy miên biến hành của đời trước do kiến khổ đoạn, cùng với tùy miên của cõi mình ở đời sau do kiến tập-diệt-đạo-tu đoạn và pháp tương ứng, là nhân biến hành.

Tùy miên biến hành của quá khứ do kiến khổ đoạn, cùng với tùy miên của cõi mình ở hiện tại-vị lai do kiến tập-diệt-đạo-tu đoạn và pháp tương ứng là nhân biến hành.

Tùy miên biến hành của hiện tại do kiến khổ đoạn, cùng với tùy miên của cõi mình ở vị lai do kiến tập-diệt-đạo-tu đoạn và pháp tương ứng, là nhân biến hành. Như kiến khổ đoạn, kiến tập đoạn cũng vậy. Đó gọi là nhân biến hành.

Hỏi: Thế nào là nhân dị thực?

Đáp: Các tâm-tâm sở pháp tiếp nhận sắc dị thực cùng tâm-tâm sở pháp và tâm bất tương ứng hành. Tâm-tâm sở pháp này, cùng với dị thực kia, là nhân dị thực. Lại nữa, các nghiệp thân-ngữ tiếp nhận sắc dị thực cùng tâm-tâm sở pháp và tâm bất tương ứng hành. Nghiệp thân-ngữ này cùng với dị thực kia, là nhân dị thực. Lại nữa, các tâm bất tương ứng hành thọ nhận sắc dị thực cùng tâm-tâm sở pháp và tâm bất tương ứng hành. Tâm bất tương ứng hành này cùng với dị thực kia, là nhân dị thực. Đó gọi là nhân dị thực.

Hỏi: Thế nào là nhân năng tác?

Đáp: Mắt và sắc là duyên sinh ra nhãn thức. Nhãn thức này dùng mắt và sắc kia, pháp tương ứng với mắt mà sắc kia, pháp câu hữu của mắt và sắc kia, cùng nhĩ thanh và nhĩ thức, tỷ hương và tỷ thức, lưỡi, thiệt vị và thức, thân xúc và thân thức ý và pháp - ý thức, có sắc-không sắc, có kiến-không có kiến, có đối-không có đối, hữu lậu-vô lậu, hữu vi-vô vi v.v..., tất cả pháp như thế là nhân năng tác, trừ ra tự tánh của chúng. Như nhãn thức; nhĩ-tỷ-thiệt-thân-ý thức cũng vậy. Đó gọi là nhân năng tác.

Hỏi: Các tâm bởi vì tùy miên, cho nên gọi là tâm có tùy miên. Tùy

miên kia là tùy tăng đối với tâm này chăng?

Đáp: Hoặc tùy tăng, hoặc không tùy tăng.

Thế nào là tùy tăng? Nghĩa là tùy miên kia tương ứng với tâm này chưa đoạn và duyên với tâm này.

Thế nào là không tùy tăng? Nghĩa là tùy miên kia tương ứng với tâm này đã đoạn.

Hỏi: Giả sử tùy miên tùy tăng đối với tâm-tâm này chỉ do tùy miên kia, cho nên gọi là tâm có tùy miên chăng?

Đáp: Hoặc do tùy miên kia chứ không phải pháp khác, hoặc do tùy miên kia và pháp khác.

Thế nào là do tùy miên kia chứ không phải pháp khác? Nghĩa là tâm này chưa đoạn.

Thế nào là do tùy miên kia và pháp khác? Nghĩa là khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh. Nếu tâm do kiến khổ mà đoạn, do kiến tập đoạn, là duyên của tùy miên, thì các tâm do tùy miên, cho nên gọi là tâm có tùy miên.

Hỏi: Tùy miên kia đối với tâm này là nên đoạn chăng?

Đáp: Hoặc nên đoạn, hoặc không đoạn.

Thế nào là nên đoạn? Nghĩa là tùy miên kia duyên nơi tâm này.

Thế nào là không nên đoạn? Nghĩa là tùy miên kia tương ứng vào tâm này.

Hỏi: Các tùy miên dựa vào pháp nào mà đoạn?

Đáp: Dựa vào pháp đã duyên.

Hỏi: Ông nói tùy miên, dựa vào pháp đã duyên mà đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu vậy, thì các tùy miên do kiến diệt-đạo mà đoạn, tùy miên ấy duyên hữu lậu dựa vào pháp nào mà đoạn? Nếu nói pháp này đoạn thì pháp kia đoạn đều không hợp lý?

Đáp: Do kiến diệt-đạo mà đoạn tùy miên duyên vô lậu, dựa vào pháp đã duyên cho nên đoạn, bởi vì pháp này đoạn cho nên tùy miên cũng đoạn.

Hỏi: Nếu tùy miên đối với tâm nên đoạn, thì tâm này chỉ vì do tùy miên cho nên gọi là tâm có tùy miên chăng?

Đáp: Hoặc do tùy miên chứ không phải pháp khác, hoặc do tùy miên và pháp khác.

Thế nào là do tùy miên chứ không phải pháp khác? Nghĩa là tâm không ô nhiễm do tu mà đoạn.

Thế nào là do tùy miên kia và pháp khác? Nghĩa là tâm ô nhiễm.

Hỏi: Thế nào là dựa vào cảnh mà đoạn thức?

Đáp: Khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, nếu tâm do kiến tập mà đoạn, duyên vào kiến khổ mà đoạn, thì đó gọi là dựa vào cảnh mà đoạn thức.

Hỏi: Đối với thức này có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Có mười chín.

Hỏi: Cùng một tâm chăng?

Đáp: Không như vậy. Nghĩa là chưa lìa dục nhiễm, khổ pháp trí đã sinh, tập pháp trí chưa sinh, nếu tâm cõi Dục do kiến tập mà đoạn duyên vào kiến khổ đoạn, thì đó là dựa vào cảnh mà đoạn thức. Cõi Dục do kiến tập mà đoạn bảy tùy miên tùy tăng, đã lìa dục nhiễm mà chưa lìa sắc nhiễm, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh.

Nếu tâm cõi Sắc do kiến tập mà đoạn, duyên vào kiến khổ đoạn, thì đó là dựa vào cảnh mà đoạn thức. Cõi Sắc do kiến tập mà đoạn sáu tùy miên tùy tăng, đã lìa sắc nhiễm, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh. Nếu tâm cõi Vô sắc do kiến tập mà đoạn duyên vào kiến khổ đoạn, thì đó là dựa vào cảnh mà đoạn thức. Cõi Vô sắc do kiến tập mà đoạn trừ sáu tùy miên tùy tăng.

Phẩm 3: NÓI VỀ BỔ ĐẶC GIÀ LA

*Duyên khởi-duyên dựa vào hơi thở,
 Tâm dựa vào không còn có ái,
 Tâm giải thoát dựa vào giới-tướng,
 Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Một Bổ-đặc-già-la, đối với mười hai chi duyên khởi của đời này, có bao nhiêu quả khứ-vị lai-hiện tại?

Đáp: Hai quả khứ là vô minh-hành; hai vị lai là sinh-lão tử; tám hiện tại là thức- danh sắc-sáu xứ-xúc- thọ-ái-thủ-hữu. Như Đức Thế Tôn đã nói: Vô minh duyên hành, thủ duyên hữu.

Hỏi: Thế nào là vô minh duyên hành?

Đáp: Vô minh duyên hành. Đây là thể hiện rõ nghiệp hạnh đã tạo tác tăng lên trong những đời kiếp trước đây, nay phải có quả dị thực và đã tiếp nhận quả dị thực.

Hỏi: Thế nào là thủ duyên hữu?

Đáp: Thủ duyên hữu đây là thể hiện rõ nghiệp hạnh tạo tác tăng lên trong đời hiện tại, phải có quả dị thực sẽ tiếp nhận..

Hỏi: Vô minh duyên hành và thủ duyên hữu khác nhau thế nào?

Đáp: Vô minh duyên hành, nghĩa nói rộng như trước. Nghiệp duyên này như Đức Thế Tôn nói: Một phiền não, nghĩa là vô minh.

Thủ duyên hữu, nghĩa nói rộng như trước. Nghiệp duyên này như Đức Thế Tôn nói: Tất cả phiền não, nghĩa là các thủ. Đó gọi là khác nhau giữa hai điều này.

Hỏi: Có thể có hành duyên với vô minh mà không duyên với minh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có hành duyên với minh mà không duyên với vô minh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có hành duyên với vô minh, cũng duyên với minh chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Có thể có hành không duyên với vô minh mà cũng không duyên với minh chăng?

Đáp: Không có. Vì sao như vậy? Bởi vì không có một hữu tình nào, từ lâu xa đến nay, không đối với Thánh đạo, hủy báng nói rằng không phải là đạo. Trước kia đã hủy báng đạo rồi, thời gian sau hữu tình ấy tạo tác tăng trưởng, cảm đến nghiệp đại địa. Hoặc vào thời gian sau

tạo tác tăng trưởng, cảm đến nghiệp tiểu vương. Hoặc vào thời gian sau tạo tác tăng trưởng, cảm đến nghiệp đại vương. Hoặc vào thời gian sau tạo tác tăng trưởng, cảm đến nghiệp Chuyển luân vương.

Do nhân này và duyên này, do Thánh đạo kia, lần lượt cảm được đại địa, có được thành ấp thôn xóm, nhân và phi nhân, súc vật-thóc lúa-cỏ thuốc-cây cối-rừng rậm, tăng trưởng tốt tươi.

Bốn duyên của tâm trước như thế, đối với tâm sau chỉ là một duyên tăng thượng.

Lại nữa, hoặc dựa vào nhân duyên mà nói về phương diện này:

Hỏi: Có thể có hành với duyên vô minh mà không duyên với minh chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là vô minh dị thực và hành nhiễm ô.

Hỏi: Có thể có hành duyên với minh mà không duyên với vô minh chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là trừ ra minh đầu tiên, còn lại các hành vô lậu khác.

Hỏi: Có thể có hành duyên với vô minh mà cũng duyên với minh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có hành không duyên với vô minh mà cũng không duyên với minh chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là trừ vô minh dị thực, còn lại các hành vô phú vô ký khác và hành hữu lậu thiện của minh đầu tiên.

Hỏi: Hơi thở ra thở vào, nên nói là dựa vào thân mà chuyển hay dựa vào tâm mà chuyển?

Đáp: Cho nên nói cũng dựa vào thân mà chuyển, cũng dựa vào tâm mà chuyển, như những điều kiện thích hợp. Nếu hơi thở ra vào chỉ dựa vào thân mà chuyển, không dựa vào tâm mà chuyển, thì ở bậc định vô tưởng mà định diệt tận, hơi thở ra vào cũng phải chuyển biến.

Nếu hơi thở ra vào chỉ dựa vào tâm mà chuyển, không dựa vào thân mà chuyển, thì hơi thở ra vào của hữu tình cõi Vô sắc cũng phải chuyển biến.

Nếu hơi thở ra vào chỉ dựa vào thân và tâm mà chuyển biến, không như điều kiện thích hợp, thì Yết-lạt-lam, Át-bộ-đàm, Bế-thi, Kiện-nam ở trong trứng và trong thai mẹ, các căn chưa đầy đủ, chưa thành thực, và ở tinh lực thứ tư, hơi thở ra vào cũng phải chuyển biến.

Hỏi: Vì hơi thở ra vào cũng dựa vào thân mà chuyển, cũng dựa vào tâm mà chuyển, như những điều kiện thích hợp, vì vậy dưới từ địa

ngục vô gián, trên đến cõi trời Biến tịnh, các căn của hữu tình trong đó đã đầy đủ, thành thực, hơi thở ra vào dựa vào thân và tâm mà chuyển biến. Hỏi: Như tâm của hữu tình có sắc nối tiếp nhau, dựa vào thân mà chuyển biến, tâm của hữu tình vô sắc nối tiếp nhau thì dựa vào đâu mà chuyển?

Đáp: Dựa vào mạng căn có tính chất đồng phần và các pháp tương tự như thế.

Hỏi: Tâm bất tương ưng hành không có ái, cho nên nói là do kiến đoạn hay tu đoạn?

Đáp: Cho nên nói do tu đoạn.

Có thuyết nói: Không có ái, hoặc do kiến đoạn, hoặc do tu đoạn.

Hỏi: Thế nào là do kiến đoạn?

Đáp: Nghĩa là đối với pháp do kiến đoạn, không có mà lại tham.

Hỏi: Thế nào là do tu đoạn?

Đáp: Nghĩa là đối với pháp do tu đoạn, không có mà lại tham. Ở trong nghĩa này không có ái, chỉ nên nói do tu đoạn.

Hỏi: Ông đã nói: Không có ái, chỉ do tu đoạn. Vậy những người Dự lưu chưa đoạn ái này chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Ý ông muốn gì? Những người Dự lưu vì khởi tâm như thế này: Nếu sau khi ta chết thì đoạn hoại không có, há không yên vui chăng?

Đáp: Không như vậy.

Hãy nghe tôi trình bày: Nếu không có ái, thì chỉ do tu đoạn. Những người Dự lưu khi chưa đoạn ái này thì nên nói người Dự lưu khởi lên tâm niệm như thế này: Nếu sau khi ta chết thì đoạn hoại không có, há không yên vui hay sao?

Nếu người Dự lưu không khởi tâm như vậy: Nếu sau khi ta chết thì đoạn, hoại không có, há không yên vui hay sao? Thì không nên nói là không có ái chỉ do tu đoạn. Những người Dự lưu khi chưa đoạn ái này, nói như thế đều không hợp lý.

Hỏi: Các ông cũng nói rằng: Ái dị thực của địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ, chỉ do tu đoạn. Những người Dự lưu chưa đoạn ái này chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Ý ông muốn gì? Những người Dự lưu vì khởi tâm như thế này: Ta sẽ làm Long vương Ai-la-phiệt-noa, Long vương Thiện trú, Quỷ vương Diêm-ma, thống lãnh các hữu tình của cõi quỷ chăng?

Đáp: Không như vậy. Hãy nghe tôi trình bày: Nếu Ái dị thực của địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ, chỉ do tu đoạn, mà những người Dự lưu khi

chưa đoạn ái này, thì nên nói người Dự lưu khởi tâm như vậy: Ta sẽ làm Long vương Ai-la-phiệt-noa, cho đến nói rộng.

Nếu người Dự lưu không khởi tâm như vậy: Ta sẽ làm Long vương Ai-la-phiệt-noa, cho đến nói rộng, thì không nên nói rằng: Ái dị thực của địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ, chỉ do tu đoạn.

Những người Dự lưu chưa đoạn ái này, mà nói như thế, đều không hợp lý.

Các ông cũng nói rằng: Vì bị ràng buộc do các triền, cho nên hại mạng cha mẹ, triền này chỉ do tu đoạn.

Những người Dự lưu chưa đoạn triền này chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Ý ông muốn gì? Những người Dự lưu vì khởi triền như thế cho nên hại mạng cha mẹ chăng?

Đáp: Không như vậy. Hãy nghe tôi nói: Nếu bị triền ràng buộc, cho nên đã hại mạng cha mẹ, thì triền này chỉ do tu đoạn. Những người Dự lưu chưa đoạn triền này, thì nên nói: Người Dự lưu vì đã khởi triền như thế, cho nên hại mạng cha mẹ. Nếu người Dự lưu không khởi triền như thế, mà hại mạng cha mẹ, thì không nên nói: Vì bị các triền ràng buộc, cho nên hại mạng cha mẹ. Triền này chỉ do tu đoạn, những người Dự lưu chưa đoạn triền ấy, mà nói như thế đều không hợp lý.

Các ông cũng nói rằng: Đối với pháp do tu đoạn, không có mà tham, nhưng tham này chỉ do tu đoạn. Vậy thì người Dự lưu chưa đoạn tham ấy chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Ý ông muốn gì? Những người Dự lưu vì duyên vào tham này mà khởi ái chăng?

Đáp: Không như vậy. Hãy nghe tôi nói: Nếu đối với pháp do tu đoạn, không có mà tham, thì tham ấy chỉ do tu đoạn. Những người Dự lưu chưa đoạn tham này, thì nên nói người Dự lưu duyên vào tham này mà khởi ái. Nếu người Dự lưu không duyên vào tham này mà khởi ái, thì không nên nói đối với pháp do tu đoạn, không có mà tham, thì tham này chỉ do tu đoạn. Những người Dự lưu chưa đoạn tham ấy, mà nói như thế đều không hợp lý. Thuyết kia đã hợp lý, thì thuyết này cũng cho nên như thế.

Hỏi: Không-có là gọi cho pháp gì?

Đáp: Ba cõi vô thường, như Đức Thế Tôn đã nói: Tâm giải thoát tham-giận-si.

Hỏi: Như thế nào là tâm được giải thoát? Tâm Ccó tham-giận-si

chăng? Hay tâm lìa tham-giận-si chẳng?

Đáp: Tâm lìa tham-giận-si là được giải thoát.

Có thuyết nói: Tâm tương ứng với tham-giận-si thì được giải thoát.

Người kia không nên dấy lên nói như thế. Vì sao? Vì không phải tâm này tương hợp với tham-giận-si, tương ứng xen tạp nhau, mà vì tham-giận-si chưa dứt trừ, cho nên tâm không giải thoát. Tham-giận-si được đoạn trừ thì tâm liền giải thoát.

Đức Thế Tôn cũng nói: Bí-sô nên biết! Vàng mặt trời, mặt trăng này bị ngăn che do năm thứ che lấp, cho nên không sáng-không chiếu rọi, không rộng-không sạch. Những gì là năm?

1. Mây.
2. Khói.
3. Bụi.
4. Sương mù.
5. Tay của A-tố-lạc Át-la-hô.

Như vàng mặt trời, mặt trăng không phải cùng với năm thứ che lấp tương hợp, tương ứng xen tạp nhau, mà vì sự che lấp kia chưa lìa, cho nên vàng mặt trời, mặt trăng này không sáng, không soi, không rộng, không sạch. Các thứ che lấp kia, nếu lìa thì vàng mặt trời, mặt trăng này sẽ chiếu-sáng, rộng và sạch. Như thế, không phải tâm này phù hợp với tham-giận-si, tương ứng lẫn lộn nhau, mà do tham-giận-si chưa đoạn, cho nên tâm không giải thoát. Tham-giận-si nếu đoạn thì tâm liền giải thoát.

Hỏi: Như thế nào là tâm giải thoát? Ở quá khứ chăng? Hay ở vị lai, hay ở hiện tại?

Đáp: Khi tâm vô học vị lai sinh ra thì giải thoát tất cả mà chướng ngại.

Hỏi: Sự việc ấy như thế nào?

Đáp: Như định kim cang dụ của đạo vô gián sắp diệt, tận trí của đạo giải thoát sắp sinh. Nếu định kim cang dụ của đạo vô gián đang diệt, thì tận trí của đạo giải thoát đang sinh. Bấy giờ gọi là lúc tâm vô học vị lai, sinh ra thì giải thoát tất cả mọi chướng ngại.

Hỏi: Tâm chưa giải thoát nên nói là giải thoát, hay tâm đã giải thoát nên nói là giải thoát?

Đáp: Tâm đã giải thoát nên nói là giải thoát. Nếu đã giải thoát thì không nên nói là giải thoát. Nếu giải thoát thì không cho nên nói đã giải thoát. Vì tâm đã giải thoát mà nói giải thoát thì không hợp với chánh lý. Nay cần phải hỏi người kia, như Đức Thế Tôn nói:

*Nếu đoạn ái không sót lại gì,
Như hoa sen mọc giữa nước bùn,
Tỳ kheo rời bỏ cả hai bên,
Như rắn già lột da thay vỏ.*

Hỏi: Ông thừa nhận thuyết này là thuyết tốt đẹp chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Ý ông thế nào? Vì đã bỏ (xả) thì nói bỏ, hay vì chưa bỏ mà nói bỏ chăng?

Đáp: Đã bỏ thì nói bỏ. Hãy nghe tôi nói: Nếu đã bỏ thì không cho nên nói bỏ. Nếu bỏ thì không cho nên nói đã bỏ. Vì đã bỏ mà nói bỏ, thì không hợp với chánh lý. Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Đoạn mạn tự mình dễ dàng định,
Tâm thiện rời bỏ hết tất cả,
Một mình vắng lặng không buông thả,
Vượt dòng sinh tử đến Niết-bàn.*

Hỏi: Ông thừa nhận thuyết này là thuyết tốt đẹp chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Ý ông thế nào? Vì đã đến thì nói đến, hay vì chưa đến mà nói đến chăng?

Đáp: Đã đến thì nói đến. Hãy nghe tôi nói: Nếu đã đến thì không cho nên nói đến. Nếu đến thì không cho nên nói đã đến. Vì đã đến mà nói đến, thì không hợp với chánh lý. Thuyết kia đã hợp lý, thì thuyết này cũng phải như thế. Nên đối với Khế kinh, trí phải phân biệt nghĩa, như Đức Thế Tôn nói:

*Thú tập trung về rừng,
Chim bay giữa trời cao,
Thánh quay về Niết-bàn,
Pháp thì cứ phân biệt.*

Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Dựa vào nhàm chán mà lìa nhiễm, dựa vào lìa nhiễm mà được giải thoát, dựa vào giải thoát mà được Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là nhàm chán?

Đáp: Nếu đối với các hành vô học mà nhàm chán trái ngược, thì đó gọi là nhàm chán.

Hỏi: Thế nào là dựa vào vào nhàm chán mà lìa nhiễm?

Đáp: Nếu nhàm chán tương ứng với căn thiện vô tham-vô đẳng tham, vô sân-vô đẳng sân, vô si, vô đẳng si, thì đó gọi là dựa vào nhàm chán mà lìa nhiễm.

Hỏi: Thế nào là dựa vào lìa nhiễm mà được giải thoát?

Đáp: Nếu lìa nhiễm tương ưng với tâm, đã thắng giải, đang thắng giải và sẽ thắng giải, thì đó gọi là dựa vào lìa nhiễm mà được giải thoát.

Hỏi: Thế nào là dựa vào giải thoát mà được Niết-bàn?

Đáp: Nếu tham vĩnh viễn đoạn, sân vĩnh viễn đoạn, si vĩnh viễn đoạn, tất cả phiền não vĩnh viễn đoạn trừ, thì đó gọi là dựa vào giải thoát mà được Niết-bàn.

Như Đức Thế Tôn nói: Có ba cảnh giới là cảnh giới đoạn, cảnh giới lìa, cảnh giới diệt.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới đoạn?

Đáp: Trừ bỏ kiết ái thì kiết khác đoạn, gọi là cảnh giới đoạn. Hỏi: Thế nào là cảnh giới lìa?

Đáp: Kiết ái đoạn, gọi là cảnh giới lìa. Hỏi: Thế nào là cảnh giới diệt?

Đáp: Các pháp thuận với kiết còn lại được đoạn trừ, gọi là cảnh giới diệt.

Hỏi: Các cảnh giới đoạn là cảnh giới lìa chăng? Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả sử cảnh giới lìa là cảnh giới đoạn chăng? Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các cảnh giới đoạn là cảnh giới diệt chăng? Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả sử cảnh giới diệt là cảnh giới đoạn chăng? Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các cảnh giới lìa là cảnh giới diệt chăng? Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả sử cảnh giới diệt là cảnh giới lìa chăng? Đáp: Đúng vậy.

Như Đức Thế Tôn nói có ba tướng, nghĩa là tướng đoạn, tướng lìa, tướng diệt.

Hỏi: Thế nào là tướng đoạn?

Đáp: Trừ bỏ kiết ái thì kiết còn lại đoạn hết các tướng rời xa, gọi là tướng đoạn.

Hỏi: Thế nào là tướng lìa?

Đáp: Kiết ái đoạn thì các tướng rời xa, gọi là tướng lìa. Hỏi: Thế nào là tướng diệt?

Đáp: Các pháp thuận với kiết còn lại đoạn hết các tướng rời xa, gọi là tướng diệt.